TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 01/9/2017
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hợi.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXX - ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tất N, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tất N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 21/12/2006. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N tính tình nóng nảy thường hay vô cớ chửi mắng vợ con, sống không có trách nhiệm tới gia đình, còn đánh chị, nên chị về sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương từ ngày 25/5/2017 cho tới nay, cũng từ đó hai người không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/12/2010 hiện nay cả hai con đều đang ở với chị, riêng cháu N bị bại não bẩm sinh từ lúc 01 tháng tuổi, cháu không đi lại được, không nói được mọi vấn đề sinh hoạt của cháu đều phải có người giúp đỡ. Ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con, anh N nuôi cháu N còn chị nuôi cháu K và không ai phải cấp dưỡng nuôi con với ai.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc anh Nguyễn Tất N là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị L trình bày, còn về mâu thuẫn là do không thống nhất về quan điểm sống và sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, anh xác định hôn nhân giữa anh và chị L không còn hạnh phúc, không thể quay lại đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh nhất trí ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, ly hôn anh đề nghị để cho chị L nuôi cháu N còn anh nuôi cháu K và không ai phải cấp dưỡng nuôi con với ai.

Về quan hệ tài sản chung, công nợ: Chị L và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N và đề nghị nuôi cháu K còn cháu N để giao cho anh N nuôi; anh N nhất trí ly hôn với chị L về con mong muốn được nuôi cháu K còn cháu N để chị L nuôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát viên nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đối với bị đơn đã cơ bản thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 82 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí. Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tất N. Về quan hệ nuôi con khi ly hôn: Đề nghị HĐXX xử giao cho chị L được nuôi con Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/10/2007, anh N nuôi con Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/12/2010 đến khi con đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tất N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 21/12/2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ ngày 25/5/2017, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị L, anh N đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị L, anh N không trái pháp luật, do vậy căn cứ các điều: 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tất N.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/12/2010, hiện nay cả hai con đều đang ở với chị L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu K, còn cháu N anh N nuôi; anh N có nguyện vọng nuôi cháu K còn cháu N để chị L nuôi. Cả chị L và anh N đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, hiện nay chị L cũng như anh N đều có việc làm ổn định nên đều có đều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; vợ chồng mâu thuẫn chị L đưa cả hai con về ở cùng với bố mẹ đẻ và chị có thuê bác họ trông nom cháu N để chị đi làm. Do vậy, cần xử giao cho mỗi người nuôi một con, cháu N bị bệnh bại não cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, chấp nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu cấp dưỡng cho con, là phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh N đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 51, 55, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tất N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/10/2007, giao cho anh Nguyễn Tất N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/12/2010 (hiện nay cả hai con đều đang ở với chị L) kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh N không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh N, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở .

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AB/2014/0001949 ngày 04/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú